TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc

Bản án số 145 /2022/HNGĐ-ST
Ngày 28/ 12/ 2022
(V/v T/ c Hôn nhân và gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM - TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Chung, bà Đỗ Thị Hoài Mơ.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Băc Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 28/ 12/ 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 512/2022/TLST-HNGĐ ngày 28/ 10/ 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số / 2022/ QĐST- HNGĐ ngày , giữa:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị H- Sinh năm 1983(Đề nghị vắng mặt).

Bị đơn: Anh Hoàng Văn A - Sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Cùng cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Tại đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn là chị Dương Thị Hợi trình bày: Chị H và anh Hoàng Văn A tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2008 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau đó vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021thì mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, anh A đánh đập, sỉ nhục chị H nên ly thân từ khoảng tháng 7 năm 2022 đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau mỗi người sống một nơi, không cùng lo toan việc gia đình. Nay chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn anh A.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Diệu L- Sinh ngày 16/ 11/ 2007 và Hoàng Minh T - Sinh ngày 29/ 6/ 2012. Tại đơn khởi kiện chị H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung T, giao anh A trực tiếp nuôi dưỡng con Diệu L, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản ghi lời khai ngày 28/ 10 và 24/ 11/ 2022 chị H trình bày trường hợp các con chung có nguyện vọng sinh sống với anh A thì chị H đồng ý. Chị H hiện làm công nhân, thu nhập ổn định khoảng 8.000.000 đồng/ tháng đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ, công sức và các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn là anh Hoàng Văn An vắng mặt suốt quá trình tố tụng.

Tại bản tự khai, các con chung của chị H và anh A là Hoàng Diệu L và Hoàng Minh T đều trình bày có nguyện vọng tiếp tục được sinh sống với bố là Hoàng Văn A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thủ tục tố tụng : Anh A vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên đã được TAND huyện Lục Nam đã tống đạt các văn bản tố tụng đúng thủ tục và chị H đề nghị xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân giữa anh A và chị H là tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Do vậy yêu cầu khởi kiện của chị H là có căn cứ cần giải quyết theo thủ tục ly hôn chung theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình .

Về mâu thuẫn vợ chồng: Anh A và chị H đã chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn như chị H trình bày do bất đồng trong cuộc sống, anh A đánh đập, sỉ nhục chị H, do vậy vợ chồng đã ly thân từ khoảng tháng 7 năm 2022 đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau mỗi người sống một nơi, không cùng lo toan việc gia đình. Nay chị H kiên quyết yêu cầu ly hôn, anh A không có mặt tại Trụ sở Tòa án để giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn giữa chị H và anh A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H yêu cầu ly hôn anh A.

[3].Về con chung: Chị H và anh A có 02 con chung là Hoàng Diệu L- Sinh ngày 16/ 11/ 2007 và Hoàng Minh T - Sinh ngày 29/ 6/ 2012. Các con chung hiện đang sinh sống ổn định bình thường cùng anh A và đều có nguyện vọng tiếp tục sinh sống cùng anh A và chị H đồng ý; đồng thời anh A hiện có nhà đất ở thôn Đ, xã V và nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên cần giao anh A trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là phù hợp quy định pháp luật và đạo đức xã hội, đảm bảo sự phát triển toàn diện và ổn định của các con chung.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ ,công sức và các vấn đề khác : Đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi đánh giá sự tuân theo quy định pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự, đánh giá nội dung vụ án và quy định pháp luật áp dụng, đề nghị : Về quan hệ hôn nhân: Chị H được ly hôn anh A.

Con chung: Giao anh An trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Hoàng Diệu L và Hoàng Minh T .

Cấp dưỡng nuôi con,tài sản chung, nợ, công sức : Không giải quyết.

Án phí: Chị H chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Căn cứ nội dung trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình ; các Điều 147, 227, 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử :

2.Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị H và anh Hoàng Văn A được ly hôn.

3.Về con chung: Giao anh A trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Hoàng Diệu L- Sinh ngày 16/ 11/ 2007 và Hoàng Minh T - Sinh ngày 29/ 6/ 2012. Chị H có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4. Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ, công sức : Không giải quyết.

5.Án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0014128 ngày 28/ 10/ 2022 của Cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Chị Hợi và anh An có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết..

Nơi nhận:
- *Đương sự*
-*TAND T, BG*
- *VKSNDH. Lục Nam*
- *THADSH. Lục Nam*
- *UBND xã T*
- *UBND xã V,*
- *Lưu*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Kiên

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc

Bản án số 146 /2022/HNGĐ-ST
Ngày 28/ 12/ 2022
(V/v T/ c Hôn nhân và gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM - TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Chung, bà Đỗ Thị Hoài Mơ.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Băc Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28/ 12/ 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 432/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022, về việc tranh chấp HN & GĐ, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số / 2022/ QĐST- HNGĐ ngày giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hoài - Sinh năm 1986(Đề nghị xét xử vắng mặt).
Nơi cư trú: TDP Bắc Châu, xã Hải Châu, TX. Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Trần Văn Điểm - Sinh năm 1988(Vắng mặt).
Nơi cư trú: Thôn Vàng Ngọc, xã Huyền Sơn, Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Tại đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn là chị Trần Thị Hoài trình bày: Chị Hoài và anh Trần Văn Điểm tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2008 tại UBND xã Huyền Sơn, huyện Lục nam, tỉnh Bắc Giang. Sau đó vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, anh Điểm không quan tâm tới gia đình nên ly thân từ khoảng năm 2013 đến nay, chị Hoài và con chung về Thanh Hóa sinh sống. Từ khi ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau mỗi người sống một nơi, không cùng lo toan việc gia đình. Nay chị Hoài thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn anh Điểm.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Huy Đạt- Sinh ngày 12/ 12/ 2007 hiện đang sinh sống cùng chị Hoài; chị Hoài yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Điểm cấp dưỡng nuôi con. Chị Hoài hiện làm công nhân, thu nhập ổn định khoảng 8.000.000 đồng/ tháng đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi contài sản chung, nợ, công sức và các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn là anh Điểm vắng mặt suốt quá trình tố tụng.

Tại bản tự khai, con chung của chị Hoài và anh Điểm là Trần Huy Đạt trình bày có nguyện vọng được tiếp tục sinh sống cùng mẹ là Trần Thị Hoài.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thủ tục tố tụng : Anh Điểm vắng mặt tại phiên tòa nhưngTAND huyện Lục Nam đã tống đạt đúng thủ tục và chị Hoài đề nghị xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân giữa anh Điểm và chị Hoài là tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Do vậy yêu cầu khởi kiện của chị Hoài là có căn cứ cần xem xét giải quyết theo thủ tục ly hôn chung theo quy định Luật Hôn nhân gia đình .

Về mâu thuẫn vợ chồng: Anh Điểm và chị Hoài đã chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn như chị Hoài trình bày do bất đồng trong cuộc sống, anh Điểm không quan tâm gia đình nên vợ chồng ly thân từ năm 2013 đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau mỗi người sống một nơi, không cùng lo toan việc gia đình. Nay chị Hoài kiên quyết yêu cầu ly hôn, anh Điểm không có mặt tại Trụ sở Tòa án để giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn giữa chị Hoài và anh Điểm đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoài yêu cầu ly hôn anh Điểm.

[3].Về con chung: Chị Hoài và anh Điểm có 01 con chung là Trần Huy Đạt- Sinh ngày 12/ 12/ 2007, hiện đang sinh sống ổn định bình thường cùng chị Hoài và có nguyện vọng tiếp tục sinh sống cùng chị Hoài, anh Điểm không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung; chị Hoài hiện có việc làm và thu nhập ổn định nên cần giao chị Hoài trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp quy định pháp luật và đạo đức xã hội, đảm bảo sự phát triển toàn diện và ổn định của con chung.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ ,công sức và các vấn đề khác : Đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi đánh giá sự tuân theo quy định pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự, đánh giá nội dung vụ án và quy định pháp luật áp dụng; đề nghị : Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoài được ly hôn anh Điểm;

Con chung: Giao chị Hoài trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Huy Đạt- Sinh ngày 12/ 12/ 2007.

Cấp dưỡng nuôi con,tài sản chung, nợ, công sức : Không giải quyết.

Án phí: Chị Hoài chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Căn cứ nội dung trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình ; các Điều 147, 227, 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/

2016/ UBTVQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử :

2.Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hoài và anh Trần Văn Điểm được ly hôn.

3.Về con chung: Giao chị Hoài trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Huy Đạt- Sinh ngày 12/ 12/ 2007. Anh Điểm có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4. Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ, công sức : Không giải quyết.

5.Án phí sơ thẩm: Chị Hoài phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0014 ngày 20/ 10/ 2022 của Cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Chị Hoài và anh Điểm có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết..

Nơi nhận:
- Đương sự
-TAND T, BG
- VKSNDH. Lục Nam
- THADSH. Lục Nam
- UBND xã Huyền Sơn,
- Lưu

T/**M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Kiên

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG
Bản án số 54 /2022/DS-ST
Ngày 28/ 12/ 2022
(V/v T/ c Hợp đồng vay tài sản)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Yến, ông Nguyễn Văn Chấn

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình- Kiểm sát viên.

Ngày 28/ 12/ 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2021/TLST - DS ngày 20 tháng 10 năm 2021.về việc " Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2022/QĐXXST- DS ngày 06/ 12/ 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Quang Khải - Sinh năm 1959(Có mặt).
Nơi cư trú: Thôn Đồng Dinh, xã Tiên Nha, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Bà Vũ Thị Huân- Sinh năm 1973, ông Tống Kiến Quốc- Sinh năm 1969 (Đều vắng mặt).
Nơi cư trú: Thôn Nghè 2, xã Tiên Nha, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Lan- Sinh năm 1962, Nơi cư trú: Thôn Đồng Dinh, xã Tiên Nha, H. Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (Ủy quyền ông Khải tham gia tố tụng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai , biên bản hòa giải , nguyên đơn là ông Bùi Quang Khải và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Lan trình bày: Ngày 20/10/ 2021 bà Vũ Thị Huân và chồng là ông Tống Kiến Quốc vay vợ chồng ông Khải, bà Lan 224.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 20/11/2021, có viết giấy vay nợ; trong giấy biên nhận vay nợ không thỏa thuận lãi suất nhưng thỏa thuận miệng lãi suất là 0,75%/ tháng. Đến nay ông Khải đã đòi nhiều lần nhưng bà Huân, ông Quốc chưa trả đồng nào. Nay ông Khải, bà Lan yêu cầu ông Quốc, bà Huân trả 224.000.000 đồng gốc và lãi suất đến ngày 20/ 10/ 2022. Tại phiên tòa, ông Khải trình bày khi vay tiền thì ông Khải và ông Quốc, bà Huân thỏa thuận lãi suất là 1,5%/ tháng; nay yêu cầu ông Quốc, bà Huân trả 224.000.000 đồng gốc và lãi suất theo quy định pháp luật đến ngày 20/ 12/ 2022 nhưng tính tròn tháng. Số tiền trên là tài sản chung ông Khải, bà Lan.

Bị đơn là ông Quốc, bà Huân tại biên bản tự khai ngày 09/ 11/ 2022 trình bày: Ngày 20/10/2021 vợ chồng bà Huân, ông Quốc vay ông Khải 224.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 20/11/2021, có viết giấy vay nợ, thỏa thuận lãi suất ngày là 5000 đồng/ triệu, mục đích vay trả nợ ngân hàng, đến nay chưa trả đồng nào. Nay ông Khải yêu cầu ông Quốc, bà Huân trả 224.000.000 đồng gốc thì đồng ý nhưng xin trả dần.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc thực hiện Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành luật pháp của những người tham gia tố tụng; việc tiến hành thu thập chứng cứ và kiểm tra các chứng cứ đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 227, 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, buộc bà Huân, ông Quốc phải liên đới có nghĩa vụ trả ông Khải, bà Lan 224.000.000 đồng và lãi suất là (224.000.000 đồng x (10%/ năm = 0,83%/ tháng) x 14 tháng = 26.028.800 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi suất = 250.028.800 đồng.

Án phí sơ thẩm : Bà Huân, ông Quốc phải liên đới chịu 12.501.440 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là bà Huân, ông Quốc nhưng Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục, trình tự tố tụng dân sự, bà Lan ủy quyền cho ông Khải. Do vậy việc xét xử vụ án vắng mặt đương sự trên là đúng quy định pháp luật.

Về thời hiệu khởi kiện: Do các đương sự thỏa thuận thời hạn trả nợ vào ngày 20/11/ 2021 nên yêu cầu khởi kiện của ông Khải là trong thời hiệu khởi kiện, có căn cứ chấp nhận.

[2]. Về yêu cầu của ông Khải và bà Lan, Hội đồng xét xử nhận định: Ngày 20/10/ 2021 vợ chồng bà Huân, ông Quốc vay ông Khải 224.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 20/11/2021, có viết giấy vay nợ không thỏa thuận lãi suất . Bà Huân, ông Quốc cũng đồng ý trả nhưng đề nghị trả dần nên cần chấp nhận yêu cầu của ông Khải, bà Lan yêu cầu ông Quốc, bà Huân trả 224.000.000 đồng gốc. Về lãi suất : Tại Giấy biên nhận vay nợ không thể hiện các đương sự thỏa thuận về lãi suất; ông Khải trình bày thỏa thuận miệng lãi suất là 1,5 %/ tháng, ông Quốc, bà Huân trình bày thỏa thuận lãi suất là 5000 đồng/ ngày nhưng chưa trả được đồng nào và không có chứng cứ về lãi suất. Do các đương sự không thống nhất được về lãi suất nên cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự giải quyết. Do ông Khải khởi kiện trong thời hiệu khởi kiện nên ông Khải yêu cầu trả lãi suất đến 20/ 12/ 2022 và tính tròn tháng là có căn cứ chấp nhận. Do ông Khải và bà Lan đều trình bày số tiền trên là tài sản chung vợ chồng nên cần buộc bà Huân, ông Quốc phải liên đới có nghĩa vụ trả ông Khải, bà Lan 224.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất là (224.000.000 đồng x

(10%/ năm = 0,83%/ tháng) x 14 tháng) = 26.028.800 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi suất = 250.028.800 đồng.

Án phí sơ thẩm : Bà Huân, ông Quốc phải liên đới có nghĩa vụ chịu 12.501.440 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ nội dung trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 227, 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án , xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc vợ chồng bà Vũ Thị Huân, ông Tống Kiến Quốc phải liên đới có nghĩa vụ trả ông Bùi Quang Khải, bà Vũ Thị Lan 224.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi suất là 26.028.800 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi suất = 250.028.800 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 tương ứng với số tiền gốc và thời gian chưa thi hành án. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4.Án phí sơ thẩm: Bà Huân, ông Quốc phải liên đới có nghĩa vụ chịu 12.501.440 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Khải, bà Lan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Huân, ông Quốc có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận
- *Đương sự,*
- *TAND T, BG*
- *VKSNDH. Lục Nam*
- *THADSH. Lục Nam,*
- *UBND xã Tiên Nha*
- *Lưu.*

T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Kiên

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

Bản án số 86 /2022/ DS-ST
Ngày 28/ 12/ 2022
(V/v T/ c Hợp đồng vay tài sản)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Yến, ông Nguyễn Văn Chấn

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28/ 12/ 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10 /2021/TLST - DS ngày 20 tháng 10 năm 2021,về việc " Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6 /2022/QĐXXST- DS ngày 06/ 12/ 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Quang Khải - Sinh năm 1959(Có mặt).

Bị đơn: Ông Mai Văn Sơn- Sinh năm 1971 (Đề nghị xét xử vắng mặt).

Cùng cư trú: Thôn Đồng Dinh, xã Tiên Nha, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Lan- Sinh năm 1962,

Nơi cư trú: Thôn Đồng Dinh, xã Tiên Nha, H. Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (Ủy quyền ông Khải tham gia tố tụng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn là ông Bùi Quang Khải và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Lan trình bày: Ngày 13/10/ 2020 ông Mai Văn Sơn, nơi ở thôn Đồng Dinh, xã Tiên Nha, huyện Lục Nam có vay vợ chồng ông Khải, bà Lan 30.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 13/11/2020; ngày 17/10/ 2020 ông Sơn vay tiếp 20.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 17/ 11/ 2020, có viết giấy vay nợ, trong giấy biên nhận vay nợ không thỏa thuận lãi suất nhưng thỏa thuận miệng lãi suất là 0,75%/ tháng .Tại phiên tòa, ông Khải trình bày khi vay tiền thì ông Khải và ông Sơn thỏa thuận lãi suất là 1,5%/ tháng. Đến nay ông Khải đã đòi nhiều lần nhưng ông Sơn chưa trả đồng nào. Nay ông Khải, bà Lan yêu cầu ông Sơn trả 50.000.000 đồng gốc và lãi suất đến ngày 20/ 10/ 2022. Tại phiên tòa yêu cầu tiền lãi suất theo quy định pháp luật đến ngày 20/ 12/ 2022 nhưng tính tròn tháng. Số tiền trên là tài sản chung ông Khải, bà Lan.

Bị đơn là ông Sơn đã được tống đạt nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng suốt quá trình giải quyết vụ án. Tại biên bản ngày 26/ 12/ 2022 ông Sơn đề nghị xét xử vắng mặt.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc thực hiện Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành luật pháp của những người tham gia tố tụng; việc tiến hành thu thập chứng cứ và kiểm tra các chứng cứ đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự; các Điều 147, 227, 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án , xử: Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, buộc ông Sơn phải có nghĩa vụ trả ông Khải, bà Lan 50.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất là (50.000.000 đồng x 0,83%/ tháng x 26 tháng) = 10.790.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi suất = 60.790.000 đồng.

Án phí sơ thẩm : Ông Sơn phải chịu 3.039.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là ông Sơn nhưng đã có văn bản đề nghị Tòa án vắng mặt tại phiên tòa, bà Lan đã có văn bản ủy quyền ông Khải tham gia tố tụng nên việc xét xử vụ án vắng mặt đương sự là đúng quy định pháp luật.

Về thời hiệu khởi kiện: Do các đương sự thỏa thuận thời hạn trả nợ vào ngày 20/11/ 2021 nên yêu cầu khởi kiện của ông Khải là trong thời hiệu khởi kiện, có căn cứ chấp nhận.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn và bà Lan, Hội đồng xét xử nhận định: Ngày 13/10/ 2020 ông Mai Văn Sơn có vay vợ chồng ông Khải, bà Lan 30.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 13/11/2020; ngày 17/10/ 2020 ông Sơn vay tiếp 20.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 17/ 11/ 2020. Do vây ông Khải yêu cầu ông Sơn trả 50.000.000 đồng tiền gốc là có căn cứ chấp nhận. Về lãi suất : Tại Giấy biên nhận vay nợ không thể hiện các đương sự thỏa thuận về lãi suất, ông Khải trình bày thỏa thuận miệng lãi suất là 1,5 %/ tháng, ông Sơn không có ý kiến gì về thỏa thuận lãi suất. Do các đương sự không thống nhất được về lãi suất nên cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự giải quyết. Do ông Khải khởi kiện trong thời hiệu khởi kiện nên ông Khải yêu cầu trả lãi suất đến 20/ 12/ 2022 và tính tròn tháng là có căn cứ chấp nhận. Do ông Khải và bà Lan đều trình bày số tiền trên là tài sản chung vợ chồng nên cần buộc ông Sơn có nghĩa vụ trả ông Khải, bà Lan 50.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất là (50.000.000 đồng x (10%/ năm = 0,83%/ tháng) x 26 tháng) = 10.790.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi suất = 60.790.000 đồng.

Án phí sơ thẩm : Ông Sơn phải chịu 3.039.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ nội dung trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự, Bộ luật dân sự; các Điều 147, 227, 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị

quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án , xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc Ông Mai Văn Sơn phải có nghĩa vụ trả ông Khải, bà Lan 50.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất 10.790.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi suất = 60.790.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 tương ứng với số tiền gốc và thời gian chưa thi hành án. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4.Án phí sơ thẩm: Ông Sơn phải chịu 3.039.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Ông Khải, bà Lan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Sơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận
- *Đương sự,*
-*TAND T, BG*
- *VKSNDH. Lục Nam*
- *THADSH. Lục Nam,*
- *UBND xã Tiên Nha*
- *Lưu.*

T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Kiên